TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: **02/4/2019**
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hổ.
Ông Nguyễn Trường Dương.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1995.
HKTT: Số 637A, tổ 14, khu 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đ..
- Bị đơn: Anh Mai Thế Hà, sinh năm: 1987.
HKTT: Số 77, ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ.
(chị A có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2019, bản tự khai ngày 26/02/2019, biên bản làm việc ngày 26/02/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/3/2019 và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện thương yêu nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn và kéo dài từ khi chị mang thai, nguyên nhân do anh H không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng chị nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 9/2018. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Mai Xuân B, sinh ngày 20/10/2018. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và anh H phải cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 26/02/2019, biên bản làm việc ngày 26/02/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/3/2019 anh Mai Thế H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A tự nguyện thương yêu nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2017.

Quá trình chung sống vợ chồng thì trong thời kỳ chị A mang thai, chị A hay trách anh ham nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình và không yêu thương con. Việc chị A trình bày ly thân từ tháng 9/2018 là không đúng vì đây là thời gian chị A về bên mẹ ở để dưỡng thai và sinh em bé, trong thời gian này anh vẫn tới thăm chị Ánh và cháu B. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị A và thương yêu con nên anh cam kết sửa đổi bản thân và mong chị A suy nghĩ về đoàn tụ gia đình nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Mai Xuân B, sinh ngày 20/10/2018. Ly hôn anh đồng ý giao cháu B cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị A được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao con chung cho chị A nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Mai Thế H, sinh năm: 1987, hộ khẩu thường trú và sinh sống: Số 77, ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh Mai Thế H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị A và anh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20 ngày 15/5/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị A tiếp tục xin ly hôn với anh H vì chị nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay.

Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh còn tình cảm với chị H, thương yêu con và anh cam kết sửa đổi tính cách để vợ chồng được đoàn tụ.

Tuy nhiên, chị A vẫn kiên quyết ly hôn và tại phiên tòa hôm nay anh H xin xét xử vắng mặt thể hiện việc không có thiện chí đoàn tụ, hòa giải, đồng thời anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh cam kết sẽ thay đổi, mặc dù anh H cho rằng vợ chồng không ly thân nhưng thực tế chị A đã về sinh sống bên mẹ ruột tại địa chỉ số 637A, tổ 14, khu 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đ và chị không còn liên lạc hay quan tâm đến anh H từ tháng 9/2018 cho đến nay.

Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị A và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu Mai Xuân B, sinh ngày 20/10/2018, từ khi sinh cháu cho đến nay chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quá trình làm việc tại Tòa, anh H đồng ý giao cháu B cho chị A nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng nên Tòa án chấp nhận.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chị A phải nộp toàn bộ số tiền án phí trên.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* với anh Mai Thế H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Mai Thế H.

Về con chung: Giao cháu Mai Xuân B, sinh ngày 20/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A nuôi dưỡng, anh Mai Thế H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày tuyên án 02/4/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Mai Thế H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007681 ngày 19/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị A phải nộp tiếp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương